

**BẢN SÁCH**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
THỐNG NHẤT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**



---

Hà Nội, tháng 06 năm 2013

**MỤC LỤC**

	<u><b>TRANG</b></u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thống Nhất trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### **1. Thông tin chung**

Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Thống Nhất, nay là Công ty TNHH Một thành viên Thống Nhất (sau đây được gọi là Công ty) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Xe máy xe đạp Thống Nhất theo Quyết định số 162/2005/QĐ-UB ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 18/01/2011, Công ty được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 187/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH một thành viên số 0104000261 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2005. Trong quá trình hoạt động và đến ngày 10/8/2012, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 06/01/2012.

### **2. Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm 2012 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Nguyên Châu	Phó Tổng Giám đốc

### **3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại số 198B Tây Sơn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.  
Công ty có 02 đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

- Nhà máy ViHa có trụ sở tại số 82 Nguyễn Tuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội;
- Nhà máy Đống Đa: có trụ sở tại Lô A2 CN3 Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm.

Từ ngày 30/6/2012 việc hạch toán kế toán của Nhà máy Đống Đa được sáp nhập về Văn phòng Công ty tại số 198B Tây Sơn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và Công ty còn một đơn vị hạch toán phụ thuộc là Nhà máy ViHa.

### **4. Hoạt động chính**

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, các hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất, kinh doanh, xe đạp, xe đạp điện và phụ tùng; Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nội thất, trang thiết bị văn phòng; Kinh doanh dịch vụ văn phòng cho thuê theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

### **5. Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận**

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang số 06 đến trang số 30 kèm theo.

Lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được phân phối theo Quyết định của Chủ tịch Công ty và phù hợp với Quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà Nước cũng như quy định tại Thông tư 138/2010/TT-BTC ngày 17/9/2010 của Bộ Tài chính về hướng

## **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG NHẤT**

Địa chỉ: Số 198B - Đường Tây Sơn - Quận Đống Đa - Hà Nội

dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

### **6. Các sự kiện bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### **7. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Đông Dương đã được chỉ định là kiểm toán viên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty.

### **8. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

**Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,**

---

**Nguyễn Hữu Sơn**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2013

qua hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty TNHH Một thành viên Thống Nhất (“Công ty”) từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Hạn chế kiểm toán**

- Một số khoản nợ phải thu có tuổi nợ từ trên 6 tháng trở lên với tổng giá trị nợ là 46.018.586.583 đồng được Công ty khẳng định sẽ thu hồi được nên không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- Một số khoản công nợ phải thu của Nhà máy Đồng Đa tồn đọng đã lâu nhưng không đủ điều kiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trị giá 732.713.358 đồng chưa được Công ty xử lý như một khoản tổn thất và đang theo dõi trên khoản mục “Phải thu khách hàng” trên Bảng cân đối kế toán.
- Khoản tiền thuê đất trong năm 2012 của dự án Thanh Trì với tổng số tiền là 1.877.089.000 đồng đang được Công ty ghi nhận trên khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang do dự án này đang trong quá trình xây dựng dở dang.

Do các hạn chế nêu trên, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị khoản mục “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi”, khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”, khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” và ảnh hưởng của các khoản mục này đến các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các điều chỉnh cần thiết (nếu có) liên quan tới hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Thông Nhất tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



---

**TRỊNH THÙY LINH**

Giám đốc

Chỉ số Kiểm toán viên số: 0446/KTV

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG DƯƠNG**

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2013

---

**NGUYỄN THỊ THU HÀ**

Kiểm toán viên

Chỉ số Kiểm toán viên số: 1387/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính: VNĐ)

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>227.540.035.633</b>	<b>208.063.815.309</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>60.349.727.567</b>	<b>22.494.801.610</b>
1. Tiền	111	V.01	60.349.727.567	22.494.801.610
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>74.945.253.820</b>	<b>87.027.774.804</b>
1. Phải thu khách hàng	131		64.567.185.523	88.090.343.929
2. Trả trước cho người bán	132		2.204.683.084	585.792.444
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	11.008.181.753	878.012.118
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(2.834.796.540)	(2.526.373.687)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>82.469.382.140</b>	<b>89.953.893.275</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.03	82.469.382.140	89.964.059.275
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(10.166.000)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.775.672.106</b>	<b>8.579.991.120</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	77.763.635
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	288.261
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.04	9.081.140.785	7.943.071.181
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	694.531.321	558.868.043
<b>VI. Chi sự nghiệp</b>			<b>-</b>	<b>7.354.500</b>
1. Chi sự nghiệp năm trước			-	-
2. Chi sự nghiệp năm nay			-	7.354.500

- Nguyên giá	222		107.524.908.594	100.890.252.099
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(63.477.910.136)	(58.595.773.596)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	16.802.872.434	10.110.060.587
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.08</b>	<b>27.820.149.124</b>	<b>28.128.114.636</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		28.408.671.921	28.408.671.921
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		(588.522.797)	(280.557.285)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>316.210.115.649</b>	<b>294.596.469.035</b>

Báo cáo tài chính này phải được đọc cùng với các thuyết minh kèm theo



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG NHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính: VNĐ)

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>162.727.733.571</b>	<b>174.385.900.946</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>149.948.775.007</b>	<b>154.148.039.736</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	60.240.945.545	99.895.886.979
2. Phải trả người bán	312		24.095.633.933	20.257.592.474
3. Người mua trả tiền trước	313		33.626.645.819	80.372.830
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	9.018.950	5.710.061
5. Phải trả người lao động	315		1.218.870.550	2.159.461.222
6. Chi phí phải trả	316	V.11	702.480.980	192.835.091
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	18.287.921.162	19.228.371.949
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.767.258.068	12.327.809.130
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>12.778.958.564</b>	<b>20.237.861.210</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.13	205.000.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	12.573.958.564	19.811.382.312
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	426.478.898
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>153.482.382.078</b>	<b>120.210.568.089</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15	<b>152.576.215.318</b>	<b>119.105.080.329</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		92.289.771.830	92.289.771.830
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(81.306.926)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		795.593.759	795.593.759
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.700.303.434	2.700.303.434
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.891.116.811	2.501.288.748
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		50.899.429.484	20.899.429.484
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>906.166.760</b>	<b>1.105.487.760</b>
1. Nguồn kinh phí	432		906.166.760	1.105.487.760
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>316.210.115.649</b>	<b>294.596.469.035</b>

Báo cáo tài chính này phải được đọc cùng với các thuyết minh kèm theo

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>TM</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, H/hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. H/hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		1.199.991,80 USD 202,20 EUR	461.109,16 USD 213,12 EUR
6. Dự toán chi sự nghiệp dự án		-	-

**Nguyễn Hữu Sơn****Tổng Giám đốc***Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2013***Lại Thanh Xuân****Kế toán trưởng**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG NHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính: VNĐ)

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	286.238.151.909	396.152.509.058
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	216.528.412	47.611.205
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c/cấp dịch vụ	10	VI.03	<u>286.021.623.497</u>	<u>-396.104.897.853</u>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	252.863.211.478	367.334.179.716
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		<u>33.158.412.019</u>	<u>28.770.718.137</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	11.967.712.145	11.279.443.164
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	12.574.915.737	13.751.274.172
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.254.741.401	13.733.631.189
8. Chi phí bán hàng	24		4.814.074.386	3.533.740.530
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	24.336.585.342	13.140.711.548
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>3.400.548.699</u>	<u>9.624.435.051</u>
11. Thu nhập khác	31		452.240.516	54.881.715
12. Chi phí khác	32		462.961.152	279.693.587
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(10.720.636)</u>	<u>(224.811.872)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>3.389.828.063</u>	<u>9.399.623.179</u>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	-	44.829.192
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3.389.828.063</u>	<u>9.354.793.987</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

**Nguyễn Hữu Sơn****Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2013

**Lại Thanh Xuân****Kế toán trưởng**

Báo cáo tài chính này phải được đọc cùng với các thuyết minh kèm theo

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.389.828.063	9.399.623.179
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.792.136.540	5.270.160.806
Các khoản dự phòng	03	616.388.365	721.979.195
Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.543.000.000)	(11.329.443.164)
Chi phí lãi vay	06	12.254.741.401	13.751.274.172
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLĐ</b>			
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	21.043.653.510	8.831.472.762
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	7.494.677.135	(25.901.672.323)
Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	57.422.729.993	(39.668.612.179)
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	77.763.635	(77.763.635)
Tiền lãi vay đã trả	13	(11.552.260.421)	(13.751.274.172)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(218.845.461)	(544.018.445)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	412.240.516	300.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(67.456.935)	(13.577.119)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>85.122.596.341</b>	<b>(53.011.850.923)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(415.305.202)	(2.278.250.193)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	40.000.000	50.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của ĐV khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	11.279.443.164
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(375.305.202)</b>	<b>9.051.192.971</b>

4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(46.892.365.182)</i>	<i>47.451.614.301</i>
<u>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</u>	<u>50</u>	<u>37.854.925.957</u>	<u>3.490.956.349</u>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.494.801.610	18.796.106.095
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		207.739.166
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	60.349.727.567	22.494.801.610



*Nguyễn Hữu Sơn*

**Nguyễn Hữu Sơn**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2013*

*Lại Thanh Xuân*

**Lại Thanh Xuân**

**Kế toán trưởng**

*Báo cáo tài chính này phải được đọc cùng với các thuyết minh kèm theo*

CỔ TÀI N

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Thống Nhất, nay là Công ty TNHH Một thành viên Thống Nhất (sau đây được gọi là Công ty) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Xe máy xe đạp Thống Nhất theo Quyết định số 162/2005/QĐ-UB ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH một thành viên số 0104000261 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2005. Trong quá trình hoạt động và đến ngày 10/8/2012, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 06/01/2012.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Thong Nhat Company.

Công ty có trụ sở chính tại: số 198B Tây Sơn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty có 02 đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

- Nhà máy ViHa có trụ sở tại số 82 Nguyễn Tuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội;
- Nhà máy Đống Đa: có trụ sở tại Lô A2 CN3 Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm.

Từ ngày 30/6/2012 việc hạch toán kế toán của Nhà máy Đống Đa được sáp nhập về Văn phòng Công ty tại số 198B Tây Sơn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và Công ty còn một đơn vị hạch toán phụ thuộc là Nhà máy ViHa.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất là 120.000.000.000 VNĐ (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH một thành viên số 0104000261 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu xe đạp, xe đạp điện, xe máy, ô tô và phụ tùng;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nội thất, trang thiết bị văn phòng, vật tư, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông sản, thủy hải sản, gia cầm và chế biến lâm sản, phương tiện vận tải, phụ tùng các loại và vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ siêu thị, văn phòng giao dịch, văn phòng cho thuê, nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch và ăn uống (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh bất động sản;
- Đại lý giới thiệu và tiêu thụ các sản phẩm của Công ty;
- Mở trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên và các đối tượng khác khi có nhu cầu;
- Xây dựng: khu công nghiệp, khu đô thị, khu nhà ở và khu du lịch sinh thái;
- Thi công xây dựng lắp đặt và hoàn thiện các công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát: xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Trang trí nội, ngoại thất.

100  
C  
CHI  
T 1  
HỒ  
10/

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG NHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09-DN

Trong năm tài chính 2012, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất, kinh doanh, xe đạp, xe đạp điện và phụ tùng; Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nội thất, trang thiết bị văn phòng; Kinh doanh dịch vụ văn phòng cho thuê.

## II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

## III. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- ❖ Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- ❖ Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- ❖ Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- ❖ Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006.
- ❖ Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006.

Tuân thủ các Quyết định và Thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán:                      Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính: Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân thủ sáu nguyên tắc quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 - "Trình bày Báo cáo tài chính": Hoạt động liên tục, cơ sở dồn tích, nhất quán, trọng yếu, tập hợp, bù trừ và có thể so sánh.

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính*

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### Các giao dịch ngoại tệ

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi Công Ty có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của Công ty đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Công ty cũng không dùng lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để chia cho các thành viên.

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

##### Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.



# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG NHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09-DN

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

<u>Loại TSCĐ</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Riêng trong năm tài chính 2012 Công ty ghi nhận tiền thuê đất trả hàng năm vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tổng số tiền 1.877.089.000 đồng.

### Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm các khoản góp vốn liên doanh được ghi nhận theo giá gốc của khoản góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư góp vốn liên doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản Đầu tư góp vốn liên doanh được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá Đầu tư góp vốn liên doanh.

Dự phòng giảm giá Đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, căn cứ để lập dự phòng khi vốn góp thực tế của các bên tại liên doanh lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm Báo cáo tài chính của Liên doanh.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính*

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được xử lý theo quy định tại Thông tư số 100/2012/TT-BLĐTBXH ngày 24/10/2012 về hướng dẫn xử lý tài chính của khoản chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Công ty trích lập quỹ Bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/NĐ-CP ngày 12/12/2008 với tỷ lệ 2% trên tổng quỹ lương tham gia bảo hiểm.

## **Doanh thu**

Doanh thu trong năm tài chính của Công ty bao gồm: doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm của Công ty được ghi nhận trên cơ sở tương đối chắc chắn khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho khách hàng và xác định được chi phí phát sinh liên quan đến doanh thu ghi nhận.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## **Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm khoản chi phí lãi tiền vay phát sinh trong năm tài chính, trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả của các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của Công ty được xác định theo số tiền nợ gốc vay, lãi suất vay đã được thoả thuận và thời gian vay thực tế.

## **Thuế**

### ***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu thuế GTGT theo các mức thuế suất như sau:

- |                      |         |
|----------------------|---------|
| - Sản phẩm, hàng hóa | 0 - 10% |
| - Dịch vụ            | 0 - 10% |

### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)***

Công ty tính và nộp thuế TNDN theo mức thuế suất 25%.

Thuế TNDN trong năm của Công ty bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

*Các loại thuế khác:* theo quy định hiện hành của Việt Nam

#### **Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi nhận ban đầu của các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán vào ngày kết thúc năm tài chính, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Riêng trong Báo cáo tài chính năm 2012 có ba đối tượng công nợ phải thu không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Các công cụ tài chính**

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính trong năm tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty đã quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

##### *Nợ phải trả tài chính*

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09-DN

Nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### V.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Tiền mặt	887.450.203	1.443.532.800
Tiền gửi Ngân hàng	59.462.277.364	21.051.268.810
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>60.349.727.567</b>	<b>22.494.801.610</b>

### V.02 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Phải thu về cổ phần hoá	-	-
Giá trị xe xuất mẫu	-	19.996.080
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.543.000.000	-
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác	465.181.753	858.016.038
<b>Cộng</b>	<b>11.008.181.753</b>	<b>878.012.118</b>

### V.03 Hàng tồn kho

Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09-DN

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	23.889.512.421	20.642.597.922
Công cụ, dụng cụ	1.053.618.926	1.006.546.398
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	39.698.428.917	38.793.872.898
Thành phẩm	8.531.301.232	21.668.979.305
Hàng hoá	7.257.437.508	5.559.614.009
Hàng gửi đi bán	2.039.083.136	2.292.448.743
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
Hàng hoá bất động sản	-	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>82.469.382.140</b>	<b>89.964.059.275</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(10.166.000)
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b><u>82.469.382.140</u></b>	<b><u>89.953.893.275</u></b>

(\*) Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 10.166.000 đồng

**V.04 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Năm 2012</u> (VND)	<u>Năm 2011</u> (VND)
Tại ngày 01 tháng 01	77.763.635	-
Phát sinh trong năm	-	77.763.635
Kết chuyển vào chi phí trong năm	77.763.635	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>77.763.635</u></b>

**V.05 Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Tạm ứng	292.405.908	558.868.043
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	237.715.587	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	164.409.826	-
<b>Cộng</b>	<b><u>694.531.321</u></b>	<b><u>558.868.043</u></b>

**V.05 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09-DN

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.019.604.936	800.759.475
Thuế GTGT nộp thừa	8.036.792.773	7.057.216.830
Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	-	-
Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	24.743.076	77.795.361
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	7.299.515
<b>Cộng</b>	<b>9.081.140.785</b>	<b>7.943.071.181</b>

**V.06 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Năm 2012	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý, TSCĐ khác	Tổng cộng
<b><u>Nguyên giá TSCĐ HH</u></b>					
Tại ngày 01/01	46.625.845.770	55.801.268.846	3.335.999.402	1.127.138.081	106.890.252.099
Tăng trong năm	470.993.768	122.550.000	113.000.000	18.172.727	724.716.495
Mua trong năm	200.000.000	122.550.000	113.000.000	-	453.722.727
Đầu tư XD CB hoàn thành	270.993.768	-	-	-	270.993.768
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	90.000.000	-	90.000.000
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	90.000.000	-	90.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	47.096.839.538	55.923.818.846	3.358.999.402	1.145.310.808	107.524.968.594
<b><u>Giá trị hao mòn lũy kế</u></b>					
Tại ngày 01/01	11.190.329.196	43.592.445.687	2.826.517.045	986.481.668	58.595.773.596
Tăng trong năm	1.994.987.023	2.661.018.205	232.744.147	83.387.165	4.972.136.540
Khấu hao trong năm	1.994.987.023	2.661.018.205	232.744.147	83.387.165	4.972.136.540
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	90.000.000	-	90.000.000
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	90.000.000	-	90.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	13.185.316.219	46.253.463.892	2.969.261.192	1.069.868.833	63.477.910.136
<b><u>Giá trị còn lại TSCĐ HH</u></b>					
Tại ngày 01/01	35.435.516.574	12.208.823.159	509.482.357	140.656.413	48.294.478.503
Tại ngày 31/12	33.911.523.319	9.670.354.954	389.738.210	75.441.975	44.047.058.458

Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG NHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09-DN

**V.07 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Tại ngày 01 tháng 01	10.110.060.587	8.920.067.983
Phát sinh trong năm	6.692.811.847	1.399.790.192
Tăng tài sản cố định	-	209.797.588
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>16.802.872.434</b>	<b>10.110.060.587</b>
Trong đó, các công trình lớn bao gồm:		
- Công trình Thanh Trì	12.874.707.070	10.065.456.132
- Công trình Trảng Thi	3.928.165.364	14.604.455
- Khung nhôm	-	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.802.872.434</b>	<b>10.110.060.587</b>

**V.08 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
a) Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-
Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư (SL-GT)				
b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	28.408.671.921	-	28.408.671.921
<i>Công ty liên doanh đầu tư tài chính Hòa Bình</i>		<i>24.240.000.000</i>		<i>24.240.000.000</i>
<i>Hợp doanh DMC - FER</i>		<i>4.168.671.921</i>		<i>4.168.671.921</i>
Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư (SL-GT)				
c) Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>				
<i>Đầu tư trái phiếu</i>				
<i>Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu</i>				
<i>Cho vay dài hạn</i>				
Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư (SL-GT)				
d) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(588.522.797)	-	(280.557.285)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>27.820.149.124</b>	<b>-</b>	<b>28.128.114.636</b>

**V.09 Vay và nợ ngắn hạn**

Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09-DN

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Vay ngắn hạn	60.240.945.545	99.895.886.979
Vay NH Công thương VN - CN Đồng Đa	60.240.945.545	99.895.886.979
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>60.240.945.545</b>	<b>99.895.886.979</b>

*Trong đó:* Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Số Hợp đồng vay	Thời điểm bắt đầu vay	Lãi suất vay (%/tháng)	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc 31/12/2011	Số nợ gốc phải trả kỳ tới	P/thức đảm bảo tiền vay
<b>Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (giải ngân nhiều đợt)</b>							
01/2012/HĐTD	30/03/2012	1.25%	7-9 tháng	100.000.000.000	26.864.115.915	26.864.115.915	QSD đất, TSCĐ
02/2012/HĐTD	30/10/2012	0.79%	7-9 tháng	100.000.000.000	33.376.829.630	33.376.829.630	QSD đất, TSCĐ
<b>Tổng cộng</b>				<b>25.258.689.913</b>	<b>25.258.689.913</b>	<b>18.258.689.913</b>	

(\*) Mục đích vay ngắn hạn dùng để bổ sung vốn lưu động, chi trả tiền mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Trong các hợp đồng vay ngắn hạn nhận nợ bằng tiền VNĐ.

**V.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.018.950	5.710.061
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.018.950</b>	<b>5.710.061</b>

Tại thời điểm kiểm toán Công ty chưa có biên bản quyết toán thuế với Cơ quan thuế địa phương do vậy quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**V.11 Chi phí phải trả**

Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	462.660.413	347.038.927
Bảo hiểm xã hội	(19.077.345)	(36.176.416)
Bảo hiểm y tế	(9.748.425)	(36.462.315)
Phải trả về cổ phần hoá	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17.854.086.519	18.953.971.753
<b>Cộng</b>	<b>18.287.921.162</b>	<b>19.228.371.949</b>

#### V.13 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	205.000.000	-
Phải trả dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>205.000.000</b>	<b>-</b>

#### V.14 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
<b>Vay dài hạn</b>	<b>12.573.958.564</b>	<b>19.811.382.312</b>
Vay ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Đồng Đa (Lãi suất vay trong hạn 10,5%/năm, trong đó Nhà nước hỗ trợ LS 4%/năm, TG trả hết nợ vay đến năm 2019)	12.573.958.564	19.811.382.312
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng vay và nợ dài hạn</b>	<b>12.573.958.564</b>	<b>19.811.382.312</b>
Trừ:		
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Số dư vay và nợ dài hạn</b>	<b>12.573.958.564</b>	<b>19.811.382.312</b>

#### V.15 Vốn chủ sở hữu

Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG NHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09-DN

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	88.330.167.615	-	-	20.899.429.484	795.593.759	1.765.446.297	2.501.288.748	114.291.925.903
Tăng vốn trong năm	3.959.604.215	-	-	-	-	934.857.137	-	4.894.461.352
Mua lại cổ phiếu trong năm	-	-	-	-	-	-	9.354.793.988	9.354.793.988
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng vốn khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(9.348.571.369)	(9.348.571.369)
Xử lý tài sản thiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn khác	-	-	-	(81.306.926)	-	-	(6.222.619)	(87.529.545)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>92.289.771.830</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.818.122.558</b>	<b>795.593.759</b>	<b>2.700.303.434</b>	<b>2.501.288.748</b>	<b>119.105.080.329</b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>92.289.771.830</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.818.122.558</b>	<b>795.593.759</b>	<b>2.700.303.434</b>	<b>2.501.288.748</b>	<b>119.105.080.329</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	30.081.306.926	-	-	-	30.081.306.926
Mua lại cổ phiếu trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	3.389.828.063	3.389.828.063
Tặng vốn khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Xử lý tài sản thiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>92.289.771.830</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>50.899.429.484</b>	<b>795.593.759</b>	<b>2.700.303.434</b>	<b>5.891.116.811</b>	<b>152.576.215.318</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**- Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn góp đầu năm

92.289.771.830

88.330.167.615

Vốn góp tăng trong năm

-

3.959.604.215

Vốn góp giảm trong năm

-

-

Vốn góp cuối năm

92.289.771.830

92.289.771.830

**- Cổ tức, lợi nhuận đã chia**

-

9.354.793.988

**d) Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển

- Quỹ dự phòng tài chính

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

**(\*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển: được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính:

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Giám đốc.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**VI.01 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

---

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09-DN

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	286.238.151.909	396.152.509.058
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Doanh thu trợ cấp, trợ giá	-	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>286.238.151.909</b>	<b>396.152.509.058</b>

**VI.02 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	216.528.412	47.611.205
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất khẩu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>216.528.412</b>	<b>47.611.205</b>

**VI.03 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	286.021.623.497	396.104.897.853
Trong đó:		
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	-	-
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>286.021.623.497</b>	<b>396.104.897.853</b>

**VI.04 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	252.863.211.478	367.334.179.716
Giá vốn các thành phẩm đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>252.863.211.478</b>	<b>367.334.179.716</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.967.712.145</b>	<b>11.279.443.164</b>

#### VI.06 Chi phí tài chính

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Chi phí tiền vay	12.254.741.401	13.733.631.189
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
Lỗ bán ngoại tệ	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	307.965.512	-
Chi phí tài chính khác	12.208.824	17.642.983
<b>Cộng</b>	<b>12.574.915.737</b>	<b>13.751.274.172</b>

#### VI.07 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	7.579.298.342	-
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	195.030.956	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	309.101.653	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.885.257.857	-
Chi phí tiền thuê đất, thuế đất	11.178.709.911	-
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	189.186.623	-
<b>Cộng</b>	<b>24.336.585.342</b>	<b>13.140.711.548</b>

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG NHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09-DN

### VI.08 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	44.829.192
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>44.829.192</b>

### VI.09 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	165.656.561.923	-
Chi phí nhân công	21.310.116.203	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.190.191.297	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.933.883.787	-
Tiền thuê đất, thuế đất	11.178.709.911	-
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.849.789.762	-
<b>Cộng</b>	<b>224.119.252.883</b>	<b>-</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

#### 2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phát hành Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán có ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính trong năm tiếp theo, và gây ra sự thay đổi đáng kể của tình hình tài chính tại ngày xảy ra so với ngày báo cáo.

#### 3. Thông tin về các bên liên quan

#### 4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG NHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09-DN

**5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của Công ty TNHH Một thành viên Thông Nhất đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán Đông Dương, một số số liệu được điều chỉnh lại để phù hợp với việc trình bày số liệu của năm nay.

**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**7. Những thông tin khác**

**Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	<i>Giá trị ghi sổ 31/12/2012</i>		<i>Giá trị hợp lý 31/12/2012</i>
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	
<b>Tài sản tài chính</b>			
Phải thu khách hàng	66.771.868.607	(2.834.796.540,00)	63.937.072.067
Phải thu khác	11.008.181.753		11.008.181.753
Tài sản tài chính khác			
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.349.727.567		60.349.727.567
<b>Cộng</b>	<b>138.129.777.927</b>	<b>(2.834.796.540)</b>	<b>135.294.981.387</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
	<i>Giá trị ghi sổ 31/12/2012</i>		<i>Giá trị hợp lý 31/12/2012</i>
Vay và nợ	72.814.904.109		72.814.904.109
Phải trả người bán	57.722.279.752		57.722.279.752
Phải trả khác	20.233.968.062		20.233.968.062
<b>Cộng</b>	<b>150.771.151.923</b>	<b>-</b>	<b>150.771.151.923</b>



Nguyễn Hữu Sơn  
**Tổng Giám đốc**  
 Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2013

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 29-02-2016

Số chứng thư 3.2.7. Quyển số 01 SCT/ES



Lại Thanh Xuân  
**Kế toán trưởng**

PHÓ CHỦ TỊCH  
**Hoàng Thị Chiên**

Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính